

Bản án số: 175/2025/HSPT
Ngày: 06 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung, ông Y Phi Kbuôr

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai N - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 178/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Thị Bạch T và Lê Văn Đ phạm tội “Nhận hối lộ”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Bạch T**, sinh ngày 22/10/1981, tại tỉnh Quảng R
Nơi cư trú: Thôn 10, xã ER, huyện ES, tỉnh Đăk Lăk;
Nghề nghiệp: Công Chức địa chính; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Thanh A (đã chết) và con bà: Trần Thị B; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 10 năm 2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt

2. Họ và tên: **Lê Văn Đ**, sinh ngày 10/5/1984, tại tỉnh Thanh Hóa
Nơi cư trú: Bon U1, thị trấn ET, huyện CJ, tỉnh Đăk Nông
Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Văn D và con bà: Lê Thị E; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị G, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Thôn 03, xã ER, huyện ES, Đăk Lăk, có mặt.

2. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm: 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 09, xã ER, huyện ES, Đăk Lăk;

3. Anh Đinh Quang I, sinh năm: 1987, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 07, xã ER, huyện ES, Đăk Lăk;

4. Anh Quan Văn K, sinh năm: 1974, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 20, xã ER, huyện ES, Đăk Lăk

5. Ông Lê Văn L, sinh năm: 1960, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 05, xã ER, huyện ES, Đắk Lắk;
6. Chị Đinh Thị M, sinh năm: 1985, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 11, xã ER, huyện ES, Đắk Lắk;
7. Chị Vi Thị N, sinh năm: 1996, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 11, xã EL, huyện É, Đắk Lắk;
8. Anh Nguyễn Văn O, sinh năm: 1982, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn BN, xã TB, huyện GR, tỉnh Bắc Ninh
9. Anh Trần Quang P, sinh năm: 1984, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 03, xã TH, huyện BD, Đắk Lắk;
10. Anh Lê Đình P, sinh năm: 1980, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 05, xã ER, huyện ES, Đắk Lắk;
11. Anh Đinh Cao Q, sinh năm: 1990, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 07, xã ER, huyện ES, Đắk Lắk;
12. Anh Trần Đức N, sinh năm: 1978, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 01, xã I, huyện ES, Đắk Lắk;
13. Ông Lê Phạm R, sinh năm: 1974, vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn 15, xã TH, huyện BD, Đắk Lắk;
14. Anh Lê Văn S, sinh năm: 1979, vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn 04, xã EL, huyện É, Đắk Lắk;
15. Anh Đinh Thanh U, sinh năm: 1997, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: Chi nhánh VPĐK đất đai huyện ES, Đắk Lắk;
16. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1992, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: Chi nhánh VPĐK đất đai huyện ES, Đắk Lắk;
17. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1993, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: Chi nhánh VPĐK đất đai huyện ES, Đắk Lắk;
18. Anh Phan Quốc Y, sinh năm: 1984, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Nơi cư trú: Chi nhánh VPĐK đất đai huyện ES, Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Bạch T, nguyên là Công chức địa chính xã ER, huyện ES, có nhiệm vụ tiếp nhận, tham mưu giải quyết các hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân trên địa bàn. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, T đã nhiều lần nhận tiền của người dân để hợp thức hoá và xử lý nhanh hồ sơ liên quan đến lĩnh vực đất đai, cụ thể:

1. Nhận tiền của bà Ngô Thị G 02 lần, với tổng số tiền 20.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Khoảng tháng 12/2012, bà Ngô Thị G cùng với bà Lê Thị U (trú tại thị xã BC, tỉnh Bình Dương) có nhận chuyển nhượng của hộ ông Y P1 H'ra một thửa đất tại thôn 8, xã ER. Sau đó bà G và bà U đến Ủy ban nhân dân xã ER gặp Lê Thị Bạch T, là công chức địa chính xã để làm thủ tục chuyển nhượng và hẹn đến nhà của T nhờ công việc. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bà G và bà U đến nhà của T tại thôn 10, xã ER, huyện ES, lúc đó chỉ có T ở nhà thì T nói đại ý là thủ tục làm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khó khăn do đất bị cấp nhầm vị trí. Khi nghe T nói

vậy thì bà G đưa cho T 10.000.000 đồng và nói đại ý là nhờ T giúp đỡ thì T nói “*để đây em làm cho*”, bà G nói thêm “*cố gắng làm cho bọn chị càng sớm càng tốt hết bao nhiêu tiền bọn chị gửi tiếp*”, sau đó bà G và bà U đi về. Một tuần lễ sau, bà G và bà U tiếp tục đến nhà T, lúc này chỉ có T ở nhà. Tại đây, bà G tiếp tục đưa cho T, số tiền 10.000.000 đồng và nói cố gắng giúp đỡ thì T nhận tiền và nói “*em cảm ơn, có gì em thông báo lại sau cho chị, hai chị yên tâm để em báo đoàn làm việc để vào đo đạc lại đất thực tế cho chị*”, sau đó bà G và bà U đi về.

Sau khi nhận tiền của bà G, T đã làm các thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Y P1 H’ra và Ủy ban nhân dân huyện ES đã có quyết định thu hồi. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ES tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất, cấp trích lục. T hướng dẫn hộ gia đình ông Y P1 H’ra làm các thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kiểm tra, xác minh hiện trạng. Sau khi hoàn thiện hồ sơ và chuyển đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ES để giải quyết theo quy định thì bà Lê Thị Luy (trú tại thôn 7, xã ER, huyện ES) đến Ủy ban nhân dân xã ER phản ánh việc ranh giới đất của bà Luy với ông Y P1 H’ra chưa thống nhất nên đề nghị Ủy ban nhân dân xã ER xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Y P1 H’ra. Vì lý do đó, T báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã ER để các bên tự giải quyết với nhau nhưng các bên không giải quyết được nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Y P1 H’ra đến nay chưa giải quyết. T không trả lại tiền cho bà Thủy mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

2. Nhận tiền của chị Vi Thị N 01 lần với số tiền 20.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Vào cuối năm 2022, chị Vi Thị N có nhu cầu làm thủ tục cho tặng, tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên Cao Văn Đ1 nên chị N đến nhà T, đưa số tiền 20.000.000 đồng nhờ T giúp đỡ. Hồ sơ này, T đang làm các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xong. T sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân.

3. Nhận tiền của bà Đinh Thị M 02 lần với tổng số tiền 25.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Vào cuối năm 2022, bà Đinh Thị M, có nhu cầu làm các thủ tục cấp đổi, tách thửa các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên Đinh X Năm và thửa đất mang tên Cao Thành T1, nên bà M đến nhà T tại thôn 10, xã ER, huyện ES, 02 lần, lần đầu bà M đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ 2 bà M đưa cho T số tiền 15.000.000 đồng để nhờ T giúp đỡ.)

Số tiền 25.000.000 đồng nhận của bà M, T liên hệ Lê Văn Đ, nguyên là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ES, để nhờ Đ làm giúp hồ sơ cấp đổi thửa đất trên thì Đ đồng ý. Sau đó, T tự chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) cho Đ số tiền 2.000.000 đồng để nhờ Đ xử lý nhanh hồ sơ trên.

Quá trình tiếp nhận hồ sơ, Lê Văn Đ nói với T “*hồ sơ cấp đổi của hộ ông Cao Thành Trung theo quy định phải chuyển Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk để ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị muốn xử lý nhanh thì đưa cho em 6.000.000 đồng nữa*”, T đồng ý và tiếp tục chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) cho Đ số tiền 6.000.000

đồng theo yêu cầu của Đ để xử lý nhanh hồ sơ cho T. Tổng cộng Lê Văn Đ đã 02 lần nhận tiền từ Lê Thị Bạch T, với tổng số tiền là 8.000.000 đồng.

Lê Thị Bạch T hưởng lợi số tiền 17.000.000 đồng và Lê Văn Đ hưởng lợi số tiền 8.000.000 đồng, trong tổng số tiền 25.000.000 đồng đã nhận từ bà Đinh Thị M.

4. Nhận tiền của ông Nguyễn Văn O 01 lần với số tiền 18.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản, cụ thể: Vào khoảng tháng 5/2022, ông Nguyễn Văn O có mua 01 lô đất của bà Bùi Thị L1 và 01 lô đất của ông Lê Đình T2, trên địa bàn xã ER, huyện ES, để làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông O đã liên hệ và nhờ T giúp đỡ. Ông Nguyễn Văn O, đã chuyển khoản số tiền 18.000.000 đồng (có ghi nội dung chuyển khoản là “3tr hs ba luyen 15tr hs chu truong” vào tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (gọi tắt Agribank) của T. T đã làm xong hồ sơ mang tên Bùi Thị L1, còn hồ sơ mang tên Lê Đình T2 thì T chuyển đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ES. Đối với hồ sơ này, T nộp lệ phí hết 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 17.000.000 đồng, T sử dụng vào mục đích cá nhân.

5. Nhận tiền của ông Đinh Quang I 01 lần với số tiền 36.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản, cụ thể: Vào năm 2022, ông Đinh Quang I, anh Đinh Cao Q, anh Trần Đức N có chung nhau mua 01 thửa đất, do có nhu cầu làm thủ tục đo đạc, cấp trích lục bản đồ địa chính nên anh I đứng ra nhờ T giúp đỡ. Sau khi trao đổi thì anh I báo cho anh Cương và anh N mỗi người đưa cho anh I số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tổng của ba người là 36.000.000đ, do anh I không có tài khoản nên anh I đã thông qua tài khoản của anh Q đã chuyển khoản số tiền 36.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T.

Đối với hồ sơ này, T liên hệ với Lê Phạm R (nguyên Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ES) để nhờ giúp đỡ và đưa cho Lê Phạm R 02 lần với số tiền 29.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) của R và đã thực hiện xong cho anh I theo thỏa thuận.

Đối với hồ sơ này, Lê Thị Bạch T hưởng lợi số tiền 7.000.000 đồng và sử dụng vào mục đích cá nhân.

6. Nhận tiền của ông Trần Quang P 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Khoảng tháng 9 năm 2022, ông Trần Quang P có mua đất của anh Lê Đình P và tìm hiểu việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết hồ sơ của anh P còn thiếu bản đồ địa chính nên chưa cấp được. Do đó, ông Thành đến nhà T đặt vấn đề bổ sung thêm tài liệu còn thiếu trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Đình P và đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng thì T nhận và đồng ý giúp. T đã thực hiện các thủ tục cần thiết để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thành theo thỏa thuận và đã nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhưng khu vực này chưa được quy hoạch cấp giấy chứng nhận nên bị trả lại. T không trả lại tiền cho ông Thành và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

7. Nhận tiền của ông Nguyễn Thế H 01 lần với số tiền 20.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Vào cuối năm 2023, ông Nguyễn Thế H có nhu cầu làm các thủ tục cấp đổi,

sang nhượng quyền sử dụng đất nên nhờ T giúp đỡ. Ông Nguyễn Thế H đến nhà T và đưa tiền mặt 20.000.000 đồng. T đã thiết lập hồ sơ chuyển đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện ES, do những hồ sơ sử dụng đất liền kề có sự sai lệch về giáp ranh nên hồ sơ này không thực hiện được. T không trả lại tiền cho ông Nguyễn Thế H mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

8. Nhận tiền của ông P Văn Khoá 02 lần với tổng số tiền 5.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Vào khoảng tháng 3 năm 2024, ông P Văn Khoá có nhu cầu làm các thủ tục cấp đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên nhờ T giúp đỡ. Ông P Văn Khoá đến nhà T tại thôn 10, xã ER, huyện ES. Lần đầu, ông K đưa cho T số tiền 4.000.000 đồng và lần 2 đưa tiếp số tiền 1.000.000 đồng. T đã thiết lập và chuyển đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea Súp nhưng hồ sơ chưa có kết quả. T sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân.

9. Nhận tiền của ông Lê Văn L 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, thông qua hình thức đưa tiền mặt tại nhà của T thuộc thôn 10, xã ER, huyện ES, cụ thể: Vào cuối năm 2023, ông Lê Văn L có nhu cầu làm các thủ tục cấp đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên nhờ T giúp đỡ. Ông Lê Văn L đến nhà T tại thôn 10, xã ER, huyện ES và đưa số tiền 10.000.000 đồng. T đang thực hiện các thủ tục và sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Tất cả 09 người dân tự chủ động liên hệ gặp Lê Thị Bạch T để nhờ giúp đỡ làm hồ sơ có liên quan đến lĩnh vực đất đai, T không đòi hỏi, yêu cầu người dân phải đưa tiền; Bản thân Lê Thị Bạch T tự liên hệ Lê Văn Đ để làm giúp hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lần thứ nhất T tự nguyện đưa cho Đ, lần thứ hai Đ yêu cầu T đưa thêm tiền để xử lý nhanh hồ sơ.

Tổng cộng, Lê Thị Bạch T đã nhận hối lộ của 09 người trên với tổng số tiền 159.000.000 đồng, trong đó: T đóng lệ phí với số tiền 1.000.000 đồng, đưa cho Lê Phạm R số tiền 29.000.000 đồng, đưa cho Lê Văn Đ số tiền 8.000.000 đồng, số tiền thực tế T được hưởng lợi là 121.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ: số tiền 164.000.000 đồng của Lê Thị Bạch T; số tiền 8.000.000 đồng của Lê Văn Đ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bạch T và Lê Văn Đ phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch T 03 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 10 năm 2024 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm đ, g khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23 tháng 9 năm 2024.

Tuyên cấm các bị cáo Lê Thị Bạch T và Lê Văn Đ được đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025 bị cáo Lê Thị Bạch T và Lê Văn Đ đều có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Thị Bạch T, Lê Văn Đ về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt có phần nghiêm khắc, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T còn 2 năm 9 tháng tù và bị cáo Đ 2 năm tù. Về biện pháp tư pháp bản án sơ thẩm tuyên trả lại tiền cho bị cáo T và Đ là chưa phù hợp mà cần tịch thu sung công quỹ nhà nước vì đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo T cho rằng số tiền nhận của những người liên quan bị cáo đã trả lại, còn số tiền dư bị cáo đã nộp thì mong HĐXX trả lại cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn hiện nay bản thân bị cáo đang mang thai, mắc bệnh tiểu đường nặng và nuôi con bị khuyết tật nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Lê Thị Bạch T, Lê Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào các năm 2012, 2021, 2022 và năm 2023, Lê Thị Bạch T là cán bộ địa chính xã ER có nhiệm vụ tiếp nhận, tham mưu giải quyết các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực đất đai. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đã trực tiếp nhận tiền của bà Ngô Thị G, bà Vi Thị N, bà Đinh Thị M, ông Nguyễn Văn O, ông Đinh Quang I, ông Trần Quang P, ông Nguyễn Thế H, ông Quan Văn Khoá, ông Lê Văn L với tổng số tiền 159.000.000 đồng (Trong đó: bị cáo T đã đóng lệ phí với số tiền 1.000.000 đồng, đưa cho Lê Phạm R số tiền 29.000.000 đồng, đưa cho Lê Văn Đ số tiền 8.000.000 đồng, số tiền thực tế bị can T được hưởng lợi là 121.000.000 đồng), để làm nhanh các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai theo yêu cầu của những người đưa tiền.

Bị cáo Lê Văn Đ là nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ea Súp được giao nhiệm vụ tiếp nhận các hồ sơ liên quan đến các thủ tục đất đai. Quá trình thực hiện nhiệm vụ khi được T nhờ làm thủ tục cấp đổi, tách thửa các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên Đinh X Năm và Cao Thành Trung thì Đ đồng ý. Sau đó, T tự chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) cho Đ số tiền 2.000.000 đồng để nhờ Đ xử lý nhanh hồ sơ trên.

Quá trình tiếp nhận hồ sơ, Lê Văn Đ nói với T “*hồ sơ cấp đổi của hộ ông Cao Thành Trung theo quy định phải chuyển Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk để ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị muốn xử lý nhanh thì đưa cho em 6.000.000 đồng nữa*”, T đồng ý và tiếp tục chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) cho Đ số tiền 6.000.000 đồng theo yêu cầu của Đ để xử lý nhanh hồ sơ cho T. Tổng cộng Lê Văn Đ đã 02 lần nhận tiền từ Lê Thị Bạch T, với tổng số tiền là 8.000.000 đồng.

Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Thị Bạch T, Lê Văn Đ về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Lê Thị Bạch T 02 năm 09 tháng tù đối với bị cáo Lê Văn Đ là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp toàn bộ số tiền đã nhận hối lộ để khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 40/2025/HSPT ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt bị cáo Lê Văn Đ 6 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” nên cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Đ.

Về phần xử lý vật chứng sau khi xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Bạch T và bị cáo Lê Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Đ.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Bạch T, Lê Văn Đ.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, n, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch T 02 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 14 tháng 10 năm 2024 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm đ, g khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng

tù tại Bản án số 40/2025/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội. Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chấp hành là 2 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt tạm giam 23/9/2024. Khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2024 đến 22/8/2024 trong vụ án “Đánh bạc”.

Tuyên cấm các bị cáo Lê Thị Bạch T và Lê Văn Đ được đảm nhiệm chức vụ trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị Bạch T và bị cáo Lê Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 2;
- VKSND khu vực 2;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết